

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

*Uông Thị Hoàn**

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phát triển theo xu hướng quốc tế hóa, hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) hàng hóa đóng vai trò quan trọng. Các quốc gia trên thế giới ngày càng phụ thuộc nhau trên góc độ kinh tế, nhu cầu giao thương, trao đổi hàng hóa... Nhu cầu thông tin thống kê XNK phục vụ quản lý, điều hành trở nên cấp thiết. Bài viết này đánh giá phương thức thu thập thông tin thống kê trong lĩnh vực XNK hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay, qua đó đề ra một số biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển của hoạt động XNK, nhằm phục vụ cho các cơ quan quản lý, điều hành đưa ra những chính sách phù hợp.

Nằm trong hệ thống thông tin thống kê của đất nước, hệ thống thông tin thống kê XNK hàng hóa của nước ta nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu. Qua từng giai đoạn phát triển, về cơ bản hệ thống này đã đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng thông tin, đặc biệt là các cơ quan quản lý nhà nước. Phương pháp luận và tổ chức hệ thống thông tin từng bước được cải tiến theo hướng nâng cao chất lượng và tính so sánh quốc tế của số liệu.

Thực tế hiện nay hệ thống thông tin thống kê XNK hàng hóa tồn tại hai kênh thu thập và tổng hợp thông tin hoạt động XNK:

Kênh 1: Số liệu Cục Thống kê tổng hợp hàng tháng từ báo cáo của các doanh nghiệp

có hoạt động XNK hàng hóa thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn, sử dụng để tính toán các chỉ tiêu thống kê của địa phương phục vụ lãnh đạo địa phương điều hành kinh tế. Phiếu điều tra được gửi về Cục Thống kê Hà Tĩnh trước ngày 12 hàng tháng qua hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Phương thức này thu thập thông tin trực tiếp, thu được toàn bộ nguồn số liệu phát sinh xuất, nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp, trị giá kim ngạch XNK được thể hiện cụ thể. Tuy nhiên, chất lượng thông tin phụ thuộc lớn vào ý thức và trình độ của người thực hiện báo cáo của doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp có phát sinh hoạt động XNK trong tháng chưa được cập nhật kịp thời.

Kênh 2: Số liệu tổng hợp từ báo cáo của Cục Hải quan tỉnh cung cấp, nguồn số liệu ban đầu là tờ khai hải quan, được sử dụng là kênh thông tin chính thống để công bố số liệu XNK quốc gia, cung cấp cho người sử dụng trong và ngoài tỉnh. Phương thức này đáp ứng được tính kịp thời về thời gian, tổng kim ngạch XNK. Tuy vậy, chỉ có số liệu của các doanh nghiệp tiến hành XNK hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Lượng hàng hóa mà doanh nghiệp mở tờ khai ở các cửa khẩu khác ngoài tỉnh Cục Hải quan tỉnh chưa cung cấp được.

Đến nay, số liệu của Cục Hải quan cung cấp cho Cục Thống kê vẫn bao gồm cả XNK nội địa vào Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo (không được tính vào kim ngạch XNK hàng hóa của

* Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

tình), chưa phân tách được các DN XNK ủy thác, cũng chưa có số liệu của các DN trong tỉnh thực hiện XNK qua các cửa khẩu ngoài tỉnh Hà Tĩnh. Trong khi nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan hàng năm chỉ cung cấp 1 lần vào thời điểm tháng 6 năm sau với mục đích chính để phục vụ việc rà soát tổng hợp Báo cáo chính thức năm, không có để lập báo cáo hàng tháng.

Sự tồn tại hai kênh thông tin thống kê trong thời điểm hiện nay xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu sau:

Nhu cầu sử dụng số liệu: Số liệu ước tính hàng tháng phục vụ lãnh đạo các cấp Trung ương đến địa phương, điều hành hoạt động kinh tế. Số liệu này thường phải ước tính vào khoảng giữa tháng tham chiếu trong khi nguồn số liệu từ Cục Hải quan là số liệu thực hiện. Về lý thuyết việc sử dụng nguồn ước tính từ

doanh nghiệp dựa trên cơ sở hợp đồng ngoại mà doanh nghiệp đã hoặc có khả năng ký kết là sát với thực tế nhất.

Về phương pháp thống kê: Thông tin cơ bản sử dụng thống nhất phương pháp thống kê dựa trên khái niệm, định nghĩa hàng hóa xuất, nhập khẩu theo quy định tại chế độ báo cáo từ cơ sở cũng như Quyết định số 434/QĐ-TCTK ngày 01/4/2013 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành phương án điều tra các doanh nghiệp ngoài nhà nước hoạt động XNK hàng hóa; Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Về xuất khẩu hàng hóa, có thể tóm tắt một số nét khái quát như sau:

Bảng 1: Giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo thành phần kinh tế năm 2010-2014

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	64552,4	94542,5	104140,2	125351,8	134167	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	46,46	10,15	20,37	7,03	20,07
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	29990,1	9597,7	21211,6	8815,2	17403,7
- Kinh tế Nhà nước	8407,7	18605,5	15357,6	13831,2	10863,2	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	121,29	-17,46	-9,94	-21,46	6,62
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	10197,8	-3247,9	-1526,4	-2968	613,9
- Kinh tế tập thể	13,9	126	-	-	-	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	806,47	-	-	-	-
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	112,1	-	-	-	-
- Kinh tế tư nhân	26618,5	28249,7	36989,1	57406,1	70038,3	
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	6,13	30,94	55,20	22,00	27,36
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	1631,2	8739,4	20417,0	12632,2	10855,0
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	29512,3	47561,3	51793,5	54114,5	53265,5	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	61,16	8,90	4,48	-1,57	15,91
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	18049,0	4232,2	2321,0	-849	5938,3

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Qua bảng trên cho thấy, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn này tăng nhanh, đạt tốc độ trung bình 20,07%/năm. Tính giá trị tuyệt đối, bình quân tăng hơn 17.403 nghìn USD mỗi năm. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng không đồng đều giữa các thành phần kinh tế qua các năm. Điều này là do số đơn vị và mặt hàng xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh chưa đa dạng, số lượng nhỏ, dễ bị tác động bởi tình hình thị trường thế giới. Năm 2011 là thời điểm các nhà máy chế biến dăm gỗ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới hoàn thành đầy đủ các hạng mục, sản

lượng sản xuất tăng cao. Những năm tiếp theo kim ngạch tăng chậm dần. Kinh tế nhà nước cũng đạt mức tăng mạnh vào năm 2011 tăng 121,29%, tuy nhiên giảm dần qua những năm sau đó. Nguyên nhân do mặt hàng chủ yếu của khối này là quặng khoáng sản ngày càng cạn kiệt, khai thác giảm, giá cả giảm mạnh. Kinh tế tập thể chưa đóng góp được gì nhiều cho hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Trong khi đó, khối kinh tế tư nhân tăng trưởng nhanh, ổn định, kim ngạch tăng bình quân 27,36%/năm.

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo mặt hàng chủ yếu năm 2010-2014

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	64552,4	94542,5	104140,2	125351,8	134167	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	46,46	10,15	20,37	7,03	20,07
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	29990,1	9597,7	21211,6	8815,2	17403,7
- Hàng thủy sản	5906,8	4842,3	3282,1	4888,3	5000,3	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	-18,02	-32,22	48,94	2,29	-4,08
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	-1064,5	-1560,2	1606,2	112,0	-226,6
- Chè, trà	1.202,0	1741,1	2109,7	2232,7	2.400,0	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	44,85	21,17	5,83	7,49	18,87
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	539,1	368,6	123,0	167,3	299,5
- Hàng nông sản khác	3645,9	1297	3597,2	7478,6	11938,8	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	-64,43	177,35	107,90	59,64	34,52
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	-2348,9	2300,2	3881,4	4460,2	2073,2
- Hàng dệt may	693,7	943	900	1653	5962,3	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	35,94	-4,56	83,67	260,70	71,22
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	249,3	-43,0	753,0	4309,3	1317,2
- Hàng hóa khác	53104,0	85719,1	94251,2	109099,2	108865,6	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	61,42	9,95	15,75	-0,21	19,66
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	32615,1	8532,1	14848,0	-233,6	13940,4

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Phân theo nhóm các loại hàng hóa chính của tỉnh chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Hàng thủy sản ước xuất khẩu năm 2014 đạt 5.000,3 nghìn USD, giảm bình quân 4,08%/năm; Chè ước đạt 2.400 nghìn USD,

tăng bình quân 18,87%/năm; Hàng nông sản khác tinh bột sắn, gỗ... ước đạt 11.938,8 nghìn USD, tăng bình quân 34,52%/năm; Hàng dệt may ước đạt 5.962,3 nghìn USD, tăng bình quân 71,22%/năm; Hàng hóa khác ước đạt 108.865,6 nghìn USD, tăng bình quân 19,66%/năm.

Nhìn chung trong năm 2014 cho thấy, các địa phương hoạt động xuất khẩu hàng hóa các sản phẩm chủ yếu ở bảng trên chính là những đơn vị có kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn của tỉnh như: thành phố Hà Tĩnh với sản phẩm chủ yếu là quặng khoáng sản, tinh bột sắn, thạch cao, chè đạt: 22.887,1 nghìn USD; huyện Hương Sơn và Hương Khê với lợi thế các sản phẩm gỗ xẻ, gỗ các loại kim ngạch xuất khẩu lần lượt là

32.246,1 nghìn USD và 11.185,2 nghìn USD; huyện Kỳ Anh với sản phẩm dăm gỗ, hàng thủy sản đạt 57.265,5 nghìn USD.

Về nhập khẩu, hoạt động nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh những năm qua tăng trưởng nhanh, BQ giai đoạn 2010 – 2014 tăng 151,14 %/năm (tăng 712.690,9 nghìn USD/năm). Trong đó: Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh nhất, đạt 1.434,15% mỗi năm (tăng 695.201,8 nghìn USD/năm); Kinh tế nhà nước tăng 146,80 %/năm (tăng 1.782,5 nghìn USD/năm); Kinh tế tư nhân tăng bình quân 16,74 %/năm (tăng 15.706,6 nghìn USD); Kinh tế tập thể và kinh tế cá thể đang dừng lại ở mức nhỏ lẻ, không ổn định qua các năm.

Bảng 3: Giá trị nhập khẩu hàng hóa phân theo thành phần kinh tế năm 2010-2014

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	73508,1	92389,4	87227,4	465436,1	2924271,5	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	25,69	-5,59	433,59	528,29	151,14
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	18881,3	-5162,0	378208,7	2458835,4	712690,9
- Kinh tế Nhà nước	197,5	8567,5	2861,1	7197,4	7327,4	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	4237,97	-66,61	151,56	1,81	146,80
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	8370	-5706,4	4336,3	130	1782,5
- Kinh tế cá thể	-	-	-	117,1	-	-
- Kinh tế tư nhân	73260,4	68142,1	65181,5	165104,1	136086,7	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	-6,99	-4,34	153,30	-17,58	16,74
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	-5118,3	-2960,6	99922,6	-29017,4	15706,6
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	50,2	15669,8	19184,8	292882,6	2780857,4	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	31114,74	22,43	1426,64	849,48	1434,15
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	15619,6	3515	273697,8	2487974,8	695201,8

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn tỉnh chủ yếu gồm những mặt hàng như thực phẩm

chế biến (nước giải khát tăng lực, bia lon Hieneken), phụ tùng máy móc thiết bị, gỗ xẻ

nguyên liệu... Kim ngạch nhập khẩu thực phẩm chế biến năm 2014 ước đạt 78.125 nghìn USD, tăng 6,28% so với năm 2013, tăng bình quân cả giai đoạn 36,67%/năm. Phân bón ước năm 2014 đạt 5.574,4 nghìn USD, tăng 35,11%,

tăng bình quân 164,79%/năm. Hàng hóa khác ước năm 2014 đạt 2.838.405,1 nghìn USD, tăng 635,52% so năm 2013, tăng bình quân 173,87%/năm.

Bảng 4: Giá trị nhập khẩu hàng hóa phân theo mặt hàng chủ yếu năm 2010-2014

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Bình quân
Giá trị xuất khẩu (nghìn USD)	73508,1	92389,4	87227,4	465436,1	2924271,5	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	25,69	-5,59	433,59	528,29	151,14
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	18881,3	-5162,0	378208,7	2458835,4	712690,9
- Thực phẩm chế biến	22394,9	15491,7	5152,9	73512,0	78125,0	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	-30,82	-66,74	1326,61	6,28	36,67
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	-6903,2	-10338,8	68359,1	4613,0	13932,5
- Phân bón	113,4	-	-	4125,8	5574,4	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	-	-	-	35,11	164,79
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	113,4	-	4125,8	1448,6	1365,3
- Ô tô các loại (bao gồm cả linh kiện, phụ tùng)	538,8	1258,5	1055,0	1080,7	387,0	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	133,57	-16,17	2,44	-64,19	-7,94
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	719,7	-203,5	25,7	-693,7	-38,0
- Máy móc thiết bị	5,6	831,9	679,8	811,8	1780,0	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	14755,36	-18,28	19,42	119,27	322,24
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	826,3	-152,1	132,0	968,2	443,6
- Hàng hóa khác	50455,4	74807,3	80339,7	385905,8	2838405,1	-
Tốc độ tăng, giảm (%)	-	48,26	7,40	380,34	635,52	173,87
Lượng tăng, giảm tuyệt đối	-	24351,9	5532,4	305566,1	2452499,3	696987,4

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Cán cân thương mại của tỉnh Hà Tĩnh những năm gần đây đang ở mức nhập siêu. Tuy vậy, mức nhập siêu này do khối lượng máy móc thiết bị, phụ tùng nhập khẩu về dự án Formosa lớn, hầu như không tác động đến hoạt động lưu chuyển ngoại tệ và các nhà máy, xí nghiệp sản xuất máy móc trong nước.

Nhìn chung, với tình hình hoạt động XNK của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, sản phẩm

xuất khẩu chủ yếu là hàng thô, các mặt hàng có hàm lượng công nghệ chế biến sâu ít, chủng loại hàng hóa đơn điệu; các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu hạn chế về năng lực, trình độ, khả năng cạnh tranh thấp, nguyên liệu không đảm bảo số lượng và chất lượng, một số hợp đồng XNK không đảm bảo tiến độ về mặt thời gian, thị trường xuất khẩu chưa có nhiều thay đổi, việc tiếp cận vốn tín dụng và chính sách

khuyến khích xuất khẩu của các doanh nghiệp đang còn gặp nhiều khó khăn.

Trong điều kiện kinh tế thế giới đang phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; tình hình kinh tế - xã hội trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; thị trường xuất khẩu sang một số nước tiếp tục gặp khó khăn do các rào cản phi thuế quan, nhất là thị trường Trung Quốc; lãi suất ngân hàng mặc dù có giảm nhưng việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp xuất khẩu còn hạn chế; tỷ giá ngoại tệ không ổn định, biến động tăng giá xăng, dầu, điện, nước; Nhà nước tăng cường kiểm soát tài trọng phương tiện vận tải làm chi phí vận chuyển tăng. Bên cạnh đó, trữ lượng khai thác một số loại khoáng sản xuất khẩu giảm dần, thuế xuất khẩu một số khoáng sản tăng... Do vậy, các biện pháp thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, hạn chế nhập khẩu, để quản lý nhập siêu cần phối hợp đồng bộ các chính sách như: cải thiện môi trường đầu tư và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa; đầu tư phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ; các chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, thu hút, khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu mà vẫn thúc đẩy kinh tế tỉnh nhà phát triển bền vững.

Những năm gần đây, sự thay đổi nguồn và phương pháp thu thập số liệu đã tạo thuận lợi cho việc tổng hợp, biên soạn và đáp ứng yêu cầu cơ bản về nội dung của người dùng tin. Tuy nhiên so với yêu cầu sử dụng số liệu, ngoài việc chậm trễ của khâu công bố, mức độ phù hợp còn chưa cao do nhiều chỉ tiêu thống kê còn thiếu. Độ chính xác của thông tin thống kê XNK chưa cao do, khi so sánh giữa số liệu báo cáo nhanh công bố trong kỳ báo cáo hàng tháng cả năm và số liệu báo cáo chính thức năm còn có sự chênh lệch. Kỳ báo cáo chính thức năm thực hiện còn khá muộn, thường là tới 7 đến 8 tháng sau khi kết thúc năm. Do:

- Số liệu của hoạt động XNK không thể hiện trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp, trong khi Cục Hải quan chỉ có số liệu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Cung cấp sai thông tin: Do nhiều nguyên nhân khác nhau, các doanh nghiệp ngoài nhà nước hoạt động với hình thức gia đình Giám đốc sau khi ký kết được hợp đồng trao đổi xuất khẩu hàng hóa, mọi thủ tục kê khai thông quan hoàn tất nhưng thủ tục chứng từ không nộp kế toán nên việc tổng hợp quyết toán chậm, số liệu tính toán sai lệch, cân đối không phù hợp...; một số doanh nghiệp kê khai kim ngạch hàng XNK dựa theo ngày hàng hóa xuất/ nhập kho dẫn tới chênh lệch nguồn số liệu từ ngành Hải quan;

- Xem nhẹ việc báo cáo số liệu thống kê: Sau khi khai báo thủ tục Hải quan và thuế một số lô hàng bị trả lại hoặc lý do khác... nhưng kế toán không báo cáo kịp thời dẫn đến tổng hợp sai số liệu, thiếu kiểm tra đối chiếu, rà soát những phát sinh đột biến của doanh nghiệp, sai đơn vị tính, sai cộng dồn...

Qua việc đánh giá thực trạng hoạt động thống kê XNK hàng hóa tỉnh Hà Tĩnh và thực tế việc tổ chức triển khai thu thập thông tin thống kê XNK trên địa bàn, có thể rút ra một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thống kê XNK và nâng cao chất lượng số liệu thống kê XNK hàng hóa như sau:

Một là, nhóm giải pháp nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố hàng đầu trong mọi hoạt động, không phân biệt ở hoạt động gì (kinh tế, xã hội, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ) hay nền kinh tế nào (kém phát triển, đang phát triển hay đã phát triển). Muốn vậy, cần phải đầu tư vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hay nói cụ thể hơn là nâng cao tính chuyên môn và trình độ am hiểu cũng như tính linh hoạt cho mỗi cán bộ

làm công tác thống kê XNK hàng hóa.

Hai là, nhóm giải pháp về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật thống kê đến mọi đối tượng cung cấp thông tin và người dùng tin. Nâng cao vai trò của công tác thống kê trong quản lý vĩ mô nền kinh tế và nhận thức của các cán bộ quản lý trong việc sử dụng số liệu thống kê nói chung và số liệu thống kê XNK hàng hóa nói riêng để phân tích tình hình, xây dựng chính sách và lập kế hoạch phục vụ công tác quản lý, điều hành nền kinh tế địa phương. Nhất là một số văn bản quan trọng như Luật Thống kê, Quyết định 77/2010/QĐ-TTg, Nghị định 79/2013/NĐ-CP.

- Tăng cường tính pháp lý của các văn bản quy phạm pháp luật hiện có, tích cực triển khai các văn bản hành chính một cách phù hợp và có hiệu quả (Ví dụ: Công văn phối hợp công tác và thỏa thuận cung cấp số liệu giữa các Sở, ban, ngành, cam kết hỗ trợ doanh nghiệp và các đối tượng cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý Nhà nước địa phương trong việc tìm hiểu thị trường và tình hình XNK hàng hóa cũng như các chính sách liên quan đến hoạt động XNK hàng hóa).

Ba là, nhóm giải pháp về chính sách

Chính sách ưu tiên phát triển hoạt động XNK hàng hóa rõ ràng, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia sản xuất (đặc biệt là các hàng hóa truyền thống và có lợi thế của địa phương) và xuất khẩu. Đây cũng là một yếu tố gián tiếp có tác dụng tích cực đối với việc hợp tác công tác giữa cơ quan quản lý Nhà nước nói chung và cơ quan thống kê nói riêng với các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Bên cạnh đó, cần phải có chính sách quan tâm đến công tác thống kê và người làm

công tác thống kê nói chung và XNK hàng hóa nói riêng. Cần phải bố trí ngân sách thỏa đáng cho việc nghiên cứu, đào tạo, khảo sát và cập nhật kiến thức về lý thuyết thống kê XNK hàng hóa, thông tin thống kê XNK trong nước và trên thế giới; có chính sách cải thiện đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho các cán bộ làm công tác thống kê để họ có thể giữ vững nhiệt huyết, yêu nghề và sáng tạo trong công việc. Đây cũng là một trong những yếu tố cực kỳ quan trọng để góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê.

Bốn là, nhóm giải pháp về hoàn thiện môi trường pháp lý cho công tác thống kê xuất nhập khẩu hàng hóa và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Việc công bố số liệu thống kê đã được quy định trong Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003. Chỉ tiêu hàng hóa XNK cũng đã được đưa ra trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (bao gồm: tên gọi, khái niệm, định nghĩa, phạm vi tính, nguồn số liệu....). Việc chỉ rõ phạm vi tính của số liệu thống kê XNK hàng hóa trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia là căn cứ pháp lý để cơ quan thống kê công bố các chỉ tiêu này và các chỉ tiêu này cần phải được hiểu thống nhất. Như vậy, các chỉ tiêu về thống kê XNK hàng hóa do cơ quan thống kê (Cục Thống kê) thu thập, tổng hợp, về mặt pháp lý mới là chỉ tiêu thống kê chuẩn, mang tính so sánh trên toàn quốc. Các chỉ tiêu thống kê XNK hàng hóa này phản ánh tình hình XNK hàng hóa của Hà Tĩnh.

Bộ phận Thanh tra Cục Thống kê tiến hành thanh kiểm tra các doanh nghiệp không chấp hành hoặc chấp hành kém chế độ báo cáo thống kê nói chung và điều tra XNK hàng hóa nói riêng.

(Xem tiếp trang 25)

(Tiếp theo trang 35)

Năm là, nhóm giải pháp về phối hợp công tác, bao gồm các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác giao lưu học hỏi kinh nghiệm, nghiệp vụ giữa các cơ quan quản lý Nhà nước: Cục Thống kê Hà Tĩnh với các cơ quan quản lý địa phương, với các Cục Thống kê địa phương khác, với các đơn vị Vụ Thống kê chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục.

- Phối hợp chặt chẽ với Cục Hải Quan Hà Tĩnh và các Chi cục Hải quan trong việc triển khai thu thập, tổng hợp thông tin thống kê XNK hàng hóa, cập nhật thông tin đơn vị XNK hàng hóa trên địa bàn Hà Tĩnh.

- Liên hệ chặt chẽ với các Vụ nghiệp vụ của Tổng cục để cập nhật thông tin về tình

hình XNK hàng hóa trên toàn quốc cũng như trao đổi về những hoạt động đặc thù phát sinh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh./.

Tài liệu tham khảo:

1. Niên giám Thống kê tỉnh Hà Tĩnh qua các năm;
2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Quyết định số 434/QĐ-TCTK ngày 01/4/2013 ban hành phương án điều tra các doanh nghiệp ngoài nhà nước hoạt động XNK hàng hóa.